

quốc phòng, Đảng bộ tiếp tục trưởng thành nhiều mặt. Từ Huyện ủy đến các chi bộ xã được củng cố về tổ chức. Số cán bộ đảng viên còn ít nhưng do được phân công nhiệm vụ rõ ràng, hầu hết bám sát cơ sở, chế độ báo cáo của xã lên huyện được thiết lập, duy trì đều đặn nên các công việc được tổ chức thực hiện thông suốt, hiệu quả. Huyện ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo sát sao việc kiện toàn Ủy ban hành chính và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã. Đầu năm 1956, Mặt trận Tổ quốc được thành lập từ huyện tới các xã, góp phần quan trọng củng cố khối đoàn kết toàn dân, tham gia tích cực vào các phong trào cách mạng trong giai đoạn cách mạng mới. Huyện ủy đã tổ chức một số hội nghị sơ kết việc thực hiện các phong trào, từ đó đúc rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện. Nhìn chung, bước chuyển từ điều kiện kháng chiến sang điều kiện hòa bình, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội đã được phát triển đồng bộ và hiệu quả cả về tư tưởng, tổ chức và chỉ đạo thực hiện.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc nhưng mục tiêu "*Người cày có ruộng*" vẫn chưa được thực hiện triệt để, hàng triệu nông dân - lực lượng nòng cốt đã cùng với Đảng và chính quyền cách mạng làm nên những thắng lợi quan trọng trong kháng chiến vẫn chịu nhiều thiệt thòi, bất công. Đảng chủ trương mở rộng và hoàn thành cải cách ruộng đất, kết hợp với chính đôn tổ chức Đảng ở cơ sở nông thôn toàn miền Bắc. Chủ trương lớn của Đảng như đã thấu suốt nguyện vọng của quảng đại quần chúng nông dân nói chung và hàng vạn nông dân huyện Thanh Liêm nói riêng. Tuy nhiên, để biến những chủ trương đó thành phong trào ở địa phương không phải là việc dễ dàng, nhất là ở Thanh Liêm có những địa chủ khét tiếng phản động, cấu kết với đế quốc chống

phá phong trào yêu nước của nhân dân¹. Một số địa chủ đồng thời là cường hào ở làng xã, cá biệt có tên ra mặt phản cách mạng, làm tề, ngụy, chỉ điểm cho Pháp, gây tội ác với nhân dân. Ngay từ năm 1949, khi Nhà nước ban hành Sắc lệnh giảm tô, không ít địa chủ ở Thanh Liêm đã tìm cách phân tán ruộng đất, khất giảm tô, hoặc chỉ giảm tô một phần cho tá điền²...

Theo sắc lệnh Nhà nước ban hành ngày 12-4-1953, từ ngày 4-2-1955, nhân dân 23 xã trong huyện đón Đội giảm tô về công tác. Đội giảm tô phân công cán bộ xuống từng thôn xóm nhận định tình hình, kết hợp chặt chẽ với tổ chức Nông hội, tuyên truyền giáo dục để nông dân nhận thức rõ sự áp bức, bóc lột của địa chủ, phát động đấu tranh với giai cấp địa chủ, buộc họ phải triệt để giảm tô 25%. Đến tháng 5-1955, công tác giảm tô đã hoàn thành. Hàng trăm tấn thóc giảm tô được trả về cho tá điền và sung quỹ cứu đói cho dân nghèo.

Kết quả đạt được của đợt triệt để giảm tô có ý nghĩa rất quan trọng, tạo cơ sở để từ cuối năm 1955 toàn huyện bước vào cải cách ruộng đất. Trước khi cải cách ruộng đất diễn ra, trong huyện vẫn còn 718 hộ cố nông không có ruộng, hoàn toàn lệ thuộc vào

¹ Phạm Quang Diệu - Bang Diệu (thôn Tân - xã Thanh Hương) 4 đời hợp tác với thực dân Pháp, tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của Đình Công Tráng, chỉ đường cho thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình. Diệu được chính quyền thực dân phong chức vị "Tham tán đại thần kiêm ngũ tinh", cho làm quan tại gia, được thưởng Huân chương "Bắc đẩu bội tinh"; địa chủ kiêm tư sản Chu Văn Luận cướp ruộng đất làm đồn điền, bóc lột địa tô, bóc lột sức lao động của giai cấp công nhân; địa chủ Chung dựa vào thân quyền, giáo lý cướp đoạt hàng nghìn mẫu ruộng của nông dân...

² Từ năm 1949 đến 1955, địa chủ phân tán 2.460 mẫu 1 sào ruộng vào gia đình con cháu họ hàng.

giai cấp địa chủ. Bị thiệt thòi về kinh tế, thấp kém về địa vị xã hội đã bao đời nên nông dân nhiệt liệt hưởng ứng cải cách ruộng đất.

Bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Nam, Đảng bộ Thanh Liêm lãnh đạo các cơ sở kết hợp với các Đội cải cách tịch thu ruộng đất của Việt gian, phản động, lấy ruộng vắng chủ, ruộng bán công, bán tư để tạm cấp, tạm giao cho nông dân. Đội cải cách ruộng đất về Thanh Liêm thực hiện chủ trương của Đảng: *"Dựa hẳn vào bản, cổ nông, đoàn kết với trung nông, liên hiệp với phú nông, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ"*. Đội tiến hành họp với cán bộ xã, tìm hiểu nắm tình hình cụ thể; cán bộ Đội được phân công về các xóm "bất rề", "xâu chuỗi", tìm chỗ dựa; thực hiện "Ba cùng" với nông dân. Nông dân được học tập các chính sách của Nhà nước, được giáo dục, tập dượt qua thực tế để nâng cao giác ngộ về giai cấp, phân biệt rõ bạn, thù trong đấu tranh. Đội cải cách tiến hành tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất, tài sản của địa chủ chia cho nông dân, chinh đôn tổ chức Đảng và chính quyền thôn xã.

Đến giữa năm 1956, cải cách ruộng đất ở Thanh Liêm đã cơ bản kết thúc. Nông dân được chia trên 5 ngàn mẫu ruộng, hàng trăm con trâu bò, hàng ngàn gian nhà và nhiều công cụ lao động. Giờ phút cảm động nhất là lúc nông dân cầm thẻ nhận ruộng, nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất.

Với thắng lợi của cải cách ruộng đất, mơ ước ngàn đời của người nông dân là ruộng đất đã trở thành hiện thực. Tuy nhiên, cũng như toàn miền Bắc, cải cách ruộng đất ở Thanh Liêm đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng như: việc chạy theo định mức quy 5% địa chủ ở cơ sở dẫn đến tình trạng kích diện tích, kích thành phần, đấu tố tràn lan, không phân biệt đối xử với địa

chủ tham gia kháng chiến. Hầu hết các nơi đều phạm sai lầm về quy thành phần: quy phú nông, trung nông lên địa chủ, thậm chí quy kích cả bản nông lên địa chủ cường hào gian ác. Đặc biệt nghiêm trọng là trong chính đốn tổ chức đảng ở cơ sở, diễn ra tình trạng quy chụp một số cán bộ, đảng viên thành phản động, Quốc dân Đảng; chức năng của chi bộ bị vô hiệu hóa, nhiều chi bộ xã bị giải tán, vai trò của cấp ủy lu mờ...

Những sai lầm trên là do trong quá trình tổ chức, chỉ đạo thực hiện, cán bộ Đội cải cách đã vi phạm đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, cường điệu việc trấn áp phản cách mạng; nặng về đấu tố, nhẹ giáo dục; không đánh giá đúng sự suy yếu và phân hóa trong giai cấp địa chủ từ sau Cách mạng Tháng Tám đến khi hoà bình lập lại. Trong những sai lầm đó, nguyên nhân cơ bản nhất là các Đội cải cách xa rời cấp ủy, khiến các chi bộ cơ sở bị gạt ra khỏi các hoạt động cải cách, thậm chí còn bị đả kích.

Sai lầm của cải cách ruộng đất đã được Trung ương phát hiện và kịp thời sửa chữa. Tháng 4-1956, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa II) ra Chỉ thị sửa chữa sai lầm. Tháng 9-1956, Hội nghị Trung ương lần thứ 10 (mở rộng) sau khi đánh giá những sai lầm trong cải cách ruộng đất đã nhấn mạnh: *"Kiên quyết sửa chữa những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chính đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được"*. Ngày 18-8-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào nông thôn, Người nói rõ: *"Chúng ta cần phát huy những thắng lợi đã thu được, đồng thời chúng ta phải kiên quyết sửa chữa những sai lầm"...* Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm xúc động và vui mừng đón nhận thư của Bác, đồng thời nghiêm chỉnh thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy Hà Nam triệu tập hội nghị tại xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên để quán triệt tinh thần sửa sai, động viên số cán bộ bị oan sai trở về tiếp tục công tác. Tiếp đó, đồng chí Đỗ Mười - Ủy viên Trung ương Đảng (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam năm 1946) đã về thị xã Phủ Lý gặp gỡ đội ngũ cán bộ chủ chốt các huyện trong toàn tỉnh, thân mật động viên tinh thần cán bộ và giao trọng trách hoàn thành công tác sửa sai ở địa phương.

Tiếp thu tinh thần sửa sai, Huyện ủy triệu tập Hội nghị mở rộng gồm cán bộ đầu ngành của huyện và các ban chi ủy xã để học tập các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn thực hiện của Trung ương và Tỉnh ủy. Huyện ủy giao trách nhiệm cho các cấp ủy cơ sở triển khai thực hiện. Quá trình sửa sai diễn ra trong hai năm 1956, 1957.

Nhận thức được sửa sai là một nội dung quan trọng song cũng rất khó khăn, phức tạp bởi nếu sửa sai không đúng người, đúng việc càng làm trầm trọng thêm oan sai, lòng dân dao động, nội bộ thôn xóm thêm ly tán..., hậu quả khó lường¹. Bởi vậy, công tác sửa sai được Huyện ủy chỉ đạo tiến hành thận trọng từng bước với phương châm "*có sai mới sửa, không sai không sửa*". Từ tháng 6-1956, Đảng bộ triển khai bước 1 trong toàn huyện.

¹ Thực tế khi tiến hành sửa sai có hiện tượng một số bị quy oan, xử sai đã tỏ ra bất mãn, đòi trả thù; một số quy oan cho người khác thì lo lắng, bỏ bê công tác. Nhiều cá nhân vì thành kiến đã gây ra mâu thuẫn trong nội bộ thôn xóm. Những mâu thuẫn đó đều xoay quanh quyền lợi kinh tế, liên quan trực tiếp đến đội ngũ "cốt cán" trong cải cách. Lợi dụng cơ hội, một số phần tử bất mãn, địa chủ đã đòi nông dân trả lại tài sản được chia, phá hoại thành quả của cải cách ruộng đất...

Nhân dân được học tập chính sách của Đảng và Nhà nước, nghe báo cáo về thành tích thắng lợi của cải cách và những mặt sai sót để chuẩn bị tốt tinh thần cho sửa sai. Các xã thành lập đội sửa sai với thành phần nòng cốt là những đồng chí có lập trường, tư tưởng cách mạng kiên định, vững vàng, được quần chúng tin cậy và những người bị oan sai trong cải cách. Các chi bộ, nòng cốt là những đảng viên trung kiên đã gạt bỏ những thành kiến, đặt nhiệm vụ cách mạng, lợi ích giai cấp nông dân lên trên hết, dốc toàn tâm lực vào nhiệm vụ. Các cấp uỷ cơ sở được đặt đúng vị trí, chức năng nên đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, kịp thời chỉ đạo chính quyền giải quyết triệt để những vụ xô xát, tranh chấp tài sản; thực hiện hoà giải trong nội bộ nhân dân; lực lượng an ninh tích cực ngăn chặn hành động của một số địa chủ kết bè kéo cánh, gây rối loạn... Trật tự xã hội dần ổn định, công tác sửa sai tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực.

Ngày 6-1-1957, Ban Chấp hành Đảng bộ Thanh Liêm họp mở rộng với cán bộ đầu ngành của huyện và cán bộ chủ chốt cấp xã để sơ kết bước một, triển khai bước hai sửa sai cải cách ruộng đất. Hội nghị rút ra nhiều kinh nghiệm tốt bổ sung vào những nội dung, nhiệm vụ trong bước hai như việc xét hạ thành phần địa chủ, điều chỉnh ruộng đất, củng cố đoàn kết nội bộ Đảng và khối đoàn kết nông thôn...¹.

Căn cứ vào Thông tư số 1196/TTg ngày 28-12-1956 của Thủ tướng Chính phủ về: *"Giải thích và bổ sung một số điểm về chính sách phân định thành phần giai cấp ở nông thôn"*; Thông tư số

¹ Thời kỳ sửa sai cải cách ruộng đất, Tỉnh điều đồng chí Vũ Minh (quê Mỹ Lộc - Nam Định) về làm Bí thư.

1197/TTg ngày 29-12-1956 của Thủ tướng Chính phủ về đền bù tài sản trong việc sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất, Đảng bộ chỉ đạo các đội công tác bám sát tinh thần các văn bản làm hướng dẫn chung, cùng cấp uỷ cơ sở thực hiện thống nhất, rõ ràng, dân chủ ở từng xã, thôn.

Ngày 8-11-1957, Huyện uỷ ra Nghị quyết số 07 về việc duyệt thành phần, đền bù tài sản, ruộng đất. Sửa thành phần là nội dung được chú trọng bởi tính hệ trọng và nhạy cảm của vấn đề. Trong cải cách đã quy 427 hộ địa chủ, sau sửa sai hạ xuống còn 250 hộ, nhiều phú nông được hạ thành phần xuống trung nông; cho khôi phục danh dự những hộ tham gia kháng chiến.

Về điều chỉnh ruộng đất, tùy theo tình hình ruộng đất bình quân ở từng thôn, Huyện uỷ chỉ đạo cơ sở điều chỉnh hợp lý, hợp tình, đảm bảo người được đền bù ruộng đất có đủ ruộng xa, ruộng gần như những bản cổ nông khác. Diện tích, sản lượng ruộng đất bị nâng kích lên trong cải cách được chỉnh chuẩn lại như địa bạ¹. Ruộng đất của các tôn giáo, dòng họ được giải quyết đúng chính sách của Nhà nước, bảo đảm thấu tình, đạt lý. Huyện hỗ trợ thêm kinh phí để giải quyết thỏa đáng về nhà ở, trâu bò, các vật dụng sinh hoạt, công cụ lao động; vận động nhân dân tự thương lượng một số vướng mắc nội bộ đảm bảo công bằng và an ninh trật tự thôn xóm.

Về nội bộ tổ chức Đảng, trước hiện tượng mất đoàn kết gọn lên giữa các đồng chí cũ và đồng chí được kết nạp trong cải cách,

¹ Theo thống kê của Văn phòng Đoàn uỷ cải cách Hà Nam: Diện tích trước cải cách toàn huyện 27.563 mẫu 7 sào, trong cải cách 34.514 mẫu 1 sào, tổng sản lượng từ 19.819 tấn lên 26.426 tấn

Huyện uỷ đã uốn nắn kịp thời để giữ vững đoàn kết, đồng thời tiếp tục bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt của đảng viên, nhất là số mới kết nạp. Những đảng viên được kết nạp trong cải cách tự ý bỏ sinh hoạt, một số mất uy tín với dân, chi bộ đã dân chủ bàn bạc, nêu rõ khuyết điểm để họ tự nhận thấy không xứng đáng trong hàng ngũ của Đảng và tự nguyện xin ra khỏi Đảng. Số đảng viên được khôi phục sinh hoạt Đảng tiếp tục hăng hái công tác, sẵn sàng đoàn kết với đồng chí được kết nạp, đề bạt trong cải cách. Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của từng người, cấp uỷ sắp xếp công tác hợp lý, nhiều đồng chí kết nạp trong cải cách được Đảng bộ rèn luyện, bồi dưỡng dần trưởng thành trong công tác.

Đến cuối năm 1957, công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất đã hoàn thành. Cùng với những kết quả trong cải cách ruộng đất, những thành công bước đầu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, ổn định tình hình an ninh trên địa bàn mà Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đạt được trong 3 năm đầu thời kỳ hoà bình đã khẳng định tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân. Thời kỳ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh đã đánh dấu bước chuyển biến quan trọng của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm. Nhưng kết quả đạt được chỉ là bước đầu, nền kinh tế của huyện vẫn là kinh tế tiểu nông, tự cấp, tự túc, phân tán nhỏ lẻ, quan hệ sản xuất mới tiến bộ hơn chưa thực sự hình thành. Xuất phát từ đặc điểm đó và quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 14, khoá II, Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ trung tâm trong ba năm (1958-1960) là đẩy mạnh hợp tác hoá nông nghiệp đồng thời cải tạo thợ thủ công và thương nhân, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Để từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, trước mắt phải củng cố, phát triển tổ đổi công. Ở Thanh Liêm, phong trào đổi công được tổ chức từ kế hoạch ba năm trước nhưng tạm lắng xuống trong thời gian cải cách và đầu sửa sai. Rút kinh nghiệm và bổ khuyết cho phong trào, từ ngày 5 đến ngày 7-5-1958, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tiến hành họp kiểm điểm những công tác chính, trong đó có công tác xây dựng tổ đổi công. Hội nghị quyết định ba nhiệm vụ trọng tâm:

1- Phát động đợt tuyên truyền vận động rầm rộ, sôi nổi trong toàn huyện về cuộc vận động xây dựng tổ đổi công.

2- Tổ chức đại hội liên hoan tổ đổi công.

3- Tập trung mở lớp huấn luyện cho cán bộ cốt cán trước thu chiêm làm mùa.

Sau Hội nghị, tất cả các ngành, các cấp mở đợt tuyên truyền về lợi ích của tổ đổi công và về việc gia nhập tổ đổi công. Đợt tuyên truyền được phát động cả bề rộng và chiều sâu: khẩu hiệu được trưng ở nhiều nơi, phát thanh liên tục, đưa vào nội dung học tập ở các lớp bình dân và phổ thông. Tổ đổi công phát triển là mô hình sản xuất mới ở nông thôn, phát huy tác dụng rõ rệt trong các khâu sản xuất, đặc biệt là trong phong trào làm thủy lợi, khai hoang phục hóa, làm đất v.v.. Đảng bộ đã chỉ đạo các cơ sở tổ chức tổ đổi công từ hình thức đổi công vụ việc đến đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm. Bước tập dượt này vừa để nông dân làm quen dần với làm ăn tập thể đồng thời tạo đà cho hợp tác hoá nông nghiệp. Qua bước đầu thực hiện, huyện mở hội nghị sơ kết phong trào, rút kinh nghiệm ở hai xã Thanh Phong và Liêm Cần, nơi có tỷ lệ hộ tham gia khá cao (từ 80-85%),

đồng thời nêu thành tích của những tổ nông dân hỗ trợ nhau trong sản xuất, khắc phục thiên tai có hiệu quả.

Trên cơ sở các tổ đổi công được củng cố vững chắc, hội nghị Huyện ủy (tháng 5-1958) quyết định vừa tiếp tục phát triển đổi công, vừa thực hiện xây dựng thí điểm hợp tác xã nông nghiệp. Huyện ủy quyết định tiến hành xây dựng thí điểm hai hợp tác xã ở hai vùng: vùng chiêm trũng ở thôn Đồng Phú (xã Thanh Hương) và vùng màu mùa ở thôn Bàu Cừ (còn gọi là Bào Cừ, xã Thanh Châu) để rút kinh nghiệm chỉ đạo phong trào chung.

Thôn Đồng Phú vốn là nơi "chiêm khô mùa thối", phần lớn diện tích chỉ cấy được 1 vụ/năm, năng suất thấp, từ 40-50kg thóc/1 sào, hàng năm nhiều hộ bị thiếu đói. Thực hiện kế hoạch chỉ đạo điểm, Huyện ủy cử đồng chí Huyện ủy viên - Bí thư nông hội huyện trực tiếp về cơ sở. Thuận lợi cơ bản khi tiến hành xây dựng thí điểm hợp tác xã ở Đồng Phú là cấp ủy ở đây đoàn kết, nhất trí cao, gương mẫu trước quần chúng; đến giữa năm 1958, đổi công đã đi vào bình công chăm điểm. Sau gần 4 tháng kiên trì tổ chức, vận động, hợp tác xã Đồng Phú đã được thành lập.

Tháng 12-1958, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiến hành Đại hội lần thứ VI tại đình Dương Xá (xã Thanh Hà). Đại hội đánh giá tình hình mọi mặt của huyện, chỉ rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra nhiệm vụ cơ bản của huyện là: đẩy mạnh sản xuất, lấy công tác sản xuất đổi công làm trọng tâm, phát động phong trào thi đua sản xuất sâu rộng trong quần chúng. Trong sản xuất vụ mùa thực hiện biện pháp đông xuân, dựa vào tổ đổi công để đẩy mạnh sản xuất. Tiếp tục rút kinh nghiệm để mở rộng phong trào đổi công, xây dựng hợp tác xã thí điểm.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI. Đồng chí Đào Chục được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Dỵ và đồng chí Nguyễn Khắc Doanh được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư¹.

Ngay sau Đại hội, Huyện ủy tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, tập trung vào công tác trọng tâm, đặc biệt là tiếp tục xây dựng hợp tác xã thí điểm để mở rộng phong trào hợp tác hóa.

Nhờ rút kinh nghiệm từ xây dựng hợp tác xã Đồng Phú, vận động nông dân phù hợp với điều kiện và tình hình ở cơ sở nên quá trình xây dựng thí điểm ở Bầu Cừ (Bào Cừ) có nhiều thuận lợi. Được cán bộ huyện trực tiếp chỉ đạo, đảng viên, xã viên cùng với ban chủ nhiệm tích cực, cần cù lao động, bước đầu đi vào thâm canh nên vụ chiêm 1959, ở những chân ruộng xấu, ruộng xa vẫn đạt 40kg/sào, chân ruộng tốt đạt 85kg/sào, tăng gần 20% so với vụ chiêm năm 1957, cả 17 hộ xã viên đều có mức thu nhập cao hơn những hộ làm ăn riêng lẻ. Thắng lợi ban đầu có ý nghĩa rất quan trọng về tư tưởng, nông dân tự nguyện viết đơn xin gia nhập hợp tác xã ngày càng đông hơn.

Thực tiễn xây dựng hai hợp tác xã thí điểm cho thấy đây là cuộc vận động vô cùng khó khăn, phức tạp bởi nông dân vốn đã quen nếp làm ăn đơn lẻ, thay đổi một thói quen lao động đã khó, làm thay đổi hẳn một quan niệm, nhận thức về lợi ích kinh tế thì lại càng khó khăn hơn gấp bội. Ngay từ đầu, quyết tâm toàn Đảng bộ đặt ra là thực hiện *thí điểm phải thắng lợi*, thắng lợi đó

¹ Thời kỳ này có các đồng chí: Hoàng Diễm, Đỗ Khắc Vê, Đỗ Quốc Long được cấp trên tăng cường về cho Huyện.

sẽ là khẩu hiệu tuyên truyền tốt nhất, hiệu quả nhất đến người nông dân.

Từ thành công bước đầu của hai hợp tác xã thí điểm đã có tác dụng kích thích và động viên đông đảo nông dân tham gia hợp tác xã. Huyện đã chỉ đạo các cơ sở tiếp tục vận động, giáo dục nhân dân thấm nhuần mục đích và lợi ích kinh tế từ làm ăn tập thể với hình thức hợp tác xã, từ đó có kế hoạch nhân rộng ra toàn huyện. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện xây dựng hợp tác xã, một trong những công việc được Đảng bộ đặc biệt coi trọng là *công tác tư tưởng*. Đây cũng là một bài học quý được rút ra từ việc xây dựng thí điểm. Thực tế cho thấy có những cán bộ, đảng viên trong kháng chiến rất dũng cảm, hăng hái đấu tranh thì trong cuộc vận động hợp tác hóa do xuất phát từ lợi ích cá nhân lại lùi bước, có nơi đấu tranh không vào tập thể, có nơi phân tán tài sản, bán chạy trâu bò không đưa vào hợp tác xã. Để cái mới, lối tư duy mới về kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa thắng thế, áp đảo và đào thải cái cũ, lối tư duy, cung cách làm ăn cá thể vốn đã ăn sâu bám rễ trong nhân dân từ ngàn đời, đòi hỏi phải tạo ra được một sức bật thật sự trong cách vận động, tuyên truyền, trong chỉ đạo, trong triển khai thực hiện. Từ nhận thức đó, Đảng bộ đã thực hiện cuộc vận động rộng lớn thông qua phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể. Tại cơ sở, các đoàn thể đã đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền; xuyên suốt trong phong trào xây dựng hợp tác xã, việc tuyên truyền luôn đi trước một bước. Chỉ khi tư tưởng thông suốt, người nông dân mới khắc phục nếp nghĩ, cách làm "chân trong chân ngoài", luyến tiếc con đường riêng lẻ... đồng thời, có thể hình dung được những nét khái quát nhất về hợp tác xã, nhận thức rõ sự cần thiết phải xây dựng hợp tác xã.

Từ giữa năm 1959 đến năm 1960 là thời kỳ cao trào hợp tác hoá nông nghiệp của huyện cả về quy mô và tốc độ, đều, nhanh, mạnh và rộng khắp. Tại cơ sở, Ban chỉ đạo xây dựng hợp tác xã đã dựa vào các gia đình cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên Nông hội làm nòng cốt, đi tiên phong đóng góp nông cụ sản xuất, trâu bò... để xây dựng hợp tác xã. Việc hỗ trợ sản xuất trong các hợp tác xã cũng rất được chú trọng. Qua một số vụ sản xuất, hiệu quả canh tác trên một đơn vị diện tích ở các hợp tác xã cao hơn hẳn những hộ ở ngoài đã khiến phần lớn nông dân thay đổi hẳn cách nhìn, lối suy nghĩ về kinh tế hợp tác. Số hộ tình nguyện xin tham gia ngày càng tăng... Năm 1959, toàn huyện có 6.207 hộ nông dân (39% số hộ trong huyện) vào 151 hợp tác xã.

Cùng với cuộc vận động xây dựng hợp tác xã, phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất toàn diện lúa, hoa màu và chăn nuôi đạt năng suất cao trong các hợp tác xã và tổ đổi công diễn ra sôi nổi. Phong trào sản xuất thủ công, thành lập tổ mua bán chung nhằm tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho xã viên cũng góp phần thúc đẩy phong trào hợp tác hóa ngày càng phát triển.

Trong không khí sản xuất khẩn trương và sôi nổi đó, tháng 5-1960, Đảng bộ Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VII tại đình Dương Xá (xã Thanh Hà). Đại hội nghiêm túc đánh giá về những thành công đạt được và những hạn chế, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo trên các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng an ninh... đồng thời rút kinh nghiệm để bổ khuyết cho giai đoạn sau. Đánh giá về phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, ngoài một số mặt tồn tại như giáo dục chính trị chưa sâu, công tác quản lý còn lúng túng, nhất là về quản lý tài vụ. Đại hội nhận định phong trào đã phát triển tương đối nhanh

và đi vào bề sâu, trở thành phong trào quần chúng. Hầu hết các xã đã hoàn thành xây dựng hợp tác xã bậc thấp và đang tiến hành mở rộng. Riêng xã Thanh Nguyên đã căn bản hoàn thành hợp tác xã bậc thấp và đang chuyển lên bậc cao¹.

Đại hội đề ra những nhiệm vụ quan trọng: Tích cực củng cố phong trào hợp tác hoá, căn bản hoàn thành hợp tác xã cấp thấp; ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, chú trọng cả lúa và hoa màu; tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao tư tưởng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 23 đồng chí, đồng chí Nguyễn Khắc Doanh được bầu làm Bí thư, đồng chí Đỗ Khắc Vẽ được bầu làm Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Hoàng Diễm được bầu làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ tiếp tục tập trung hoàn thành công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu tạo tiền đề thuận lợi đưa nông nghiệp bứt phá vươn lên. Rút kinh nghiệm từ các cuộc vận động trước chưa thật sự bám sát 3 nguyên tắc: tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; phong trào thiên về mục đích chính trị mà xem nhẹ bản chất kinh tế của hợp tác xã. Từ đó, Huyện ủy chỉ đạo các cơ sở phải hướng đúng và trúng, hài hòa giữa nguyên tắc và bản chất kinh tế với phát huy lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của quần chúng. Trong các bước tiến hành, phải lấy vận động làm chính, kết hợp công tác giáo dục chính trị với lợi ích kinh tế thiết thực để đạt mục tiêu phong trào.

¹ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ Thanh Liêm lần thứ VII, 5-1960, tr.2.

Nhờ chủ trương, biện pháp chỉ đạo sát hợp, cùng sự nỗ lực của các cấp, các ngành, phong trào hợp tác hóa chuyển biến nhanh, vững chắc với những con số ấn tượng. Chỉ tính riêng đợt kết nạp xã viên mùa thu năm 1960 đạt gần bằng số xã viên trong hơn hai năm trước. Đến hết năm 1960, có 14.388 hộ vào hợp tác xã, đạt 84% tổng số hộ nông dân toàn huyện. Hợp tác xã quản lý 73,6% ruộng đất, trên 75% số trâu bò. Đặc biệt, năm 1959 mới có 19% hộ giáo dân tham gia hợp tác xã, đến cuối năm 1960 đạt 69% (1.254 hộ xã viên)¹. Thành công này còn có ý nghĩa chính trị to lớn thể hiện sự giác ngộ cách mạng sâu sắc của đồng bào và qua thực tế phong trào đã củng cố một bước khối đoàn kết tôn giáo. Về tổng thể, đến cuối năm 1960, huyện Thanh Liêm căn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp.

Đồng thời với xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, hưởng ứng chủ trương xây dựng "*Ba ngọn cờ hồng*"² của Đảng, các hợp tác xã mua bán và vay mượn cũng được chú trọng phát triển. Đến hết năm 1960, hợp tác xã mua bán đã có 15.022 hộ với 15.418 cổ phần, đạt 86,8% kế hoạch, 13 xã đã có cửa hàng mua bán. Hợp tác xã vay mượn có 11.305 xã viên, đạt 65,3% kế hoạch. Hai loại hình hợp tác xã này thực hiện nhiệm vụ trung tâm nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp như cung cấp nông cụ cày bừa, phân bón, cho xã viên vay tiền để phát triển sản xuất. Trong phong trào "*Ba ngọn cờ hồng*" của Thanh Liêm, nhiều xã đã có cách làm, bước đi sáng tạo phù hợp, đem lại hiệu quả tích cực, điển hình là Liêm Chính, Liêm Tuyền, Thanh Hương, Thanh Phong...

¹ Báo cáo số 02/BC- HU, 1960, tr.2.

² Ba loại hình HTX: Nông nghiệp, mua bán, vay mượn (sau này là hợp tác xã tín dụng).

luôn đi đầu trong xây dựng hợp tác xã, tập hợp, vận động hàng trăm gia đình, cá nhân buôn bán nhỏ... tham gia hợp tác xã ở cả 3 loại hình. Đây là những điển hình tốt được huyện biểu dương thành tích và tổ chức đúc rút kinh nghiệm để các cơ sở khác học tập, đẩy nhanh sự phát triển của phong trào.

Cùng với phát triển hợp tác xã nông nghiệp, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ, toàn huyện tiến hành cải tạo thành phần kinh tế cá thể của thợ thủ công. Theo lời kêu gọi của Đảng, nông dân, thợ thủ công, thương nhân trong huyện đã từ bỏ lối làm ăn cá thể, hăng hái đi vào con đường hợp tác, bước đầu đưa được 87,3% số hộ, 270 lao động vào 10 cơ sở hợp tác xã. Những người buôn bán nhỏ được vận động, giáo dục giúp đỡ từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể. Toàn huyện có 713 người làm nghề buôn bán vào 17 tổ mua chung - bán chung, 26 tổ mua chung - bán riêng, 333 người về sản xuất nông nghiệp, 10 người sang sản xuất thủ công nghiệp, 12 người chuyển thành mặt dịch viên. Công tác cải tạo tiểu thương đã góp phần tích cực mở rộng và củng cố mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa góp phần vào quản lý và ổn định thị trường.

Với thắng lợi của việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, cải tạo thành phần kinh tế cá thể của thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở Thanh Liêm đã căn bản hoàn thành. Song trong quá trình cải tạo, Đảng bộ cũng mắc một số khuyết điểm: nóng vội, đồng nhất cải tạo với xoá bỏ, nhanh chóng dứt điểm theo kiểu chiến dịch; một số nơi chưa thực hiện đầy đủ các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ nên chưa phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của quần chúng, chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc

đẩy sự phát triển năng động của nền kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, bước đầu thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa cũng còn bộc lộ những bất cập trong công tác chỉ đạo, quản lý. Trong công tác quản lý thị trường có nơi, có lúc còn phạm quy luật kinh tế về lưu thông hàng hoá dẫn đến hiện tượng "ngăn sông, cấm chợ", ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển sản xuất và đời sống của người lao động. Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã chưa được chú ý nên nhiều hợp tác xã lúng túng trong quản lý, xây dựng kế hoạch và điều hành.

Thông qua công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo các thành phần kinh tế cá thể, tập trung phát triển kinh tế quốc doanh, kinh tế huyện Thanh Liêm từ nhiều thành phần chuyển sang hai hình thức sở hữu: toàn dân và tập thể. Đặc biệt, kinh tế tập thể phát triển là nhân tố quan trọng tạo ra nguồn lực chi viện sức người, sức của trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến ngày toàn thắng. Tổng kết thực hiện kế hoạch cải tạo quan hệ sản xuất (1958-1960), Huyện uỷ đánh giá: *"Tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp đã giành được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử, có tác dụng quyết định, đặc biệt là thắng lợi của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp là một vấn đề khó khăn nhất trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, mở đường cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế"*¹.

Gắn liền với công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ Thanh Liêm tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, trước hết là phát triển sản xuất nông nghiệp.

¹ Báo cáo công tác của Huyện uỷ năm 1960, tr.3.

Thực trạng sản xuất nông nghiệp của Thanh Liêm vốn mang nặng tính tự nhiên, phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thời tiết nên rất bấp bênh. Liên tiếp nhiều vụ thời tiết thất thường, hết úng ngập lại hạn hán, sương muối, gió bắc, thường xuyên làm chết mạ, làm chậm thời vụ¹. Về mùa mưa, xóm làng vùng đồng chiêm nổi lên trên mặt nước như những đảo nhỏ. Những con đường lớn trong huyện từ Thanh Châu đến Khoái Quán, đường Cầu Nga ra phố Bói, đường phố Cà đi Thanh Tâm, nhiều đoạn thuyền có thể đi trên mặt đường... Đặc tính của vùng chiêm trũng, của thời tiết, của đồng đất là như vậy, nhân dân Thanh Liêm đã bao đời chịu cảnh thiếu thốn, khó khăn. Nhận trọng trách lãnh đạo trong điều kiện đó, Đảng bộ luôn trăn trở, suy tính phải làm thế nào để vực dậy sản xuất, cải thiện điều kiện sống cho nhân dân. Cao hơn nữa, mục tiêu của các biện pháp phát triển kinh tế còn hướng đến đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao cho nhân dân, đó cũng chính là sự hiện thực hóa tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội... Những trăn trở ấy của Đảng bộ đã được cụ thể hóa thành những mục tiêu hành động và biện pháp thực hiện.

Trước mắt, Đảng bộ chủ trương tập trung mọi nguồn lực đột phá vào hai khâu chính là thủy lợi, giống mạ. Huyện cử cán bộ về chỉ đạo, giúp đỡ các cơ sở, hoãn các cuộc họp chưa cấp bách để tập trung sản xuất. Ở những vùng ruộng trũng, huy động nhân

¹ Vụ chiêm năm 1958, hạn hán kéo dài sang đầu vụ mùa, đến tháng 8, huyện vẫn còn 1.014 mẫu thiếu nước cấy, 744 mẫu cấy rồi bị khô hạn. Vụ đông xuân năm 1959-1960, hàng vạn mẫu bị khô hạn, ruộng cao phải tát 6 bậc nước mới lên được ruộng. Khu vực đồng chiêm cũng thiếu nước cấy cấy... Toàn huyện chỉ cấy kịp hơn 700 mẫu mùa chính vụ. Vụ chiêm được canh tác trên phần lớn ruộng đất nhưng năng suất quá thấp phải tăng vụ bằng biện pháp “cây cưỡng” vụ mùa.

dân nạo vét mương máng để tiêu úng; ở các chân ruộng cao, các hợp tác xã huy động xã viên tìm và khơi mọi nguồn nước chống hạn, khai mương dẫn nước từ hồ, ao vào ruộng kết hợp sử dụng rộng rãi biện pháp cấy vùi (kiểu trồng cây cạn chờ nước), tập trung nhân lực tưới nước giữ ẩm gốc lúa... Chỉ tính riêng năm 1960, toàn huyện đã thực hiện 74.544 ngày công, đào 70.000m³ mương máng, từng bước đẩy lùi hạn hán, đảm bảo diện tích cấy trồng. Để giải quyết vấn đề giống mạ, ngoài các biện pháp tích trữ giống dự phòng, huyện chỉ đạo áp dụng thêm một số biện pháp chống rét cho mạ, giảm thiểu số mạ chết do thời tiết. Ngoài ra, vận động nhân dân tiếp tục cấy trồng các loại cây ngắn ngày trong trường hợp thiếu mạ nhằm đảm bảo thêm một phần lương thực. Năm 1960, diện tích gieo trồng đạt 102,28% kế hoạch, tổng sản lượng lúa đạt 39.789 tấn, 4.255 tấn màu quy thóc, năng suất tăng 35,04% so với 1958; bình quân lương thực đạt 323,77kg thóc/người/1 năm, tăng 6,3% so với năm 1957.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi được chú trọng đẩy mạnh nhằm tăng tổng đàn, nhất là đàn trâu, bò để đảm bảo sức kéo cho nông nghiệp và nhu cầu thực phẩm của nhân dân. Nhiều biện pháp đã được huyện áp dụng như hạn chế tối đa việc giết mổ gia súc, hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, phòng dịch cho đàn trâu, bò... Năm 1958, đàn trâu tăng 264 con so với năm 1957. Phong trào chăn nuôi gia đình phát triển khá đều.

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp vừa thành lập đã đi vào thực hiện sản xuất theo kế hoạch từng năm. Ngoài các mặt hàng chủ yếu như vật liệu xây dựng, thêu ren, các hợp tác xã còn chú trọng đẩy mạnh sản xuất nông cụ, các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp và cải tạo đồng ruộng. Hoạt động tiểu thủ công nghiệp

dù chưa có sự biến chuyển mạnh mẽ nhưng bước đầu đã góp phần thiết thực giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho các gia đình.

Đi đôi với công tác lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ Thanh Liêm rất coi trọng việc giáo dục tư tưởng cho nhân dân, luôn gắn nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ ủng hộ và tham gia đấu tranh thống nhất nước nhà, trong mọi hoạt động đều nêu cao tinh thần "biến đau thương thành hành động" góp phần giải phóng miền Nam.

Sau khi được tỉnh công nhận hoàn thành kế hoạch xoá nạn mù chữ (kế hoạch 1956-1958), nhằm nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân, Đảng bộ vừa thực hiện tốt việc tuyên truyền phát triển giáo dục, vừa kết hợp vận động nhiều nguồn quỹ đóng góp từ nhân dân để góp phần trang bị những đồ dùng thiết yếu trong dạy và học. Trong khó khăn, thầy và trò toàn huyện luôn nêu cao tinh thần vượt khó, vừa dạy, vừa học, vừa lao động sản xuất. Trong 3 năm (1958-1960), công tác giáo dục phổ thông, thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa đều có sự phát triển vượt bậc. Hệ bổ túc văn hoá huy động mỗi năm từ 5 đến 7 nghìn người đi học, tập trung vào người lao động ở độ tuổi từ 18 đến 35. Giáo dục phổ thông phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng dạy và học; số người học hết chương trình đạt 80%, thi hết cấp I, II đạt từ 95 đến 100%. Các nhà trường kết hợp "dạy chữ" với "dạy người", kết hợp giáo dục giữa nhà trường - gia đình - xã hội để đào tạo ra thế hệ những người lao động mới. Số lượng học sinh, lớp học, cấp học mỗi năm một tăng. Năm học 1960-1961, các trường cấp I có 177 lớp, với 9.036 học sinh, tăng 30 lớp với 1.203 học sinh so với năm học 1959-1960; trường cấp II tăng lên 33 lớp với 2.009 học sinh; các lớp vỡ lòng thu hút 3.703 cháu vào học ở 135 lớp, tăng hơn năm học 1959-1960 là 1.590 cháu.

Đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của quần chúng nhân dân, cấp ủy từ huyện đến xã đều khuyến khích các cơ sở thành lập đội văn nghệ quần chúng, lập đội văn công nghiệp dư. Nhiều đội văn nghệ đã tự biên, tự diễn thơ ca, hò vè, chèo, tấu, phản ánh đời sống lao động sản xuất mang nội dung lành mạnh, tích cực. Ngoài các buổi biểu diễn cho nhân dân thôn xóm thường thức, các tiết mục chọn lọc còn được biểu diễn trên các công trình thủy lợi để động viên quần chúng lao động. Nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, huyện tổ chức hội diễn văn nghệ tại chợ Nghè (Liêm Trực) để tuyên truyền, ca ngợi Đảng quang vinh, Bác Hồ kính yêu. Các tổ phát hành sách báo, đội chiếu phim, tổ thông tin thôn xóm đều tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, biểu dương gương người tốt, việc tốt để quần chúng noi theo.

Đảng bộ quan tâm lãnh đạo nhân dân bài trừ những hủ tục ở nông thôn như nạn đồng bóng, gọi dí, phục hồn, trừ tà, bắt ma, chữa bệnh bằng tàn hương nước lã... Ngành văn hóa thông tin phối hợp chặt chẽ với cấp ủy chính quyền, các đoàn thể quần chúng vừa giáo dục, giác ngộ nâng cao sự hiểu biết của quần chúng vừa nhắc nhở, mở nhiều lớp tập trung "thầy cúng", "phù thủy" để giáo dục. Sau khi được học tập, phần lớn đã giải nghệ trở về lao động. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở nông thôn được phát động sâu rộng với sự tham gia rất tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Việc tang được tổ chức trang nghiêm nhưng tiết kiệm; các đám cưới tổ chức theo đời sống mới không phô trương, cỗ bàn tốn kém mà giản dị, vui vẻ, hạnh phúc. Đó là những nét mới trong đời sống xã hội ở nông thôn, biểu hiện sự giác ngộ của quần chúng. Bên cạnh những thành tích đạt được về phát triển văn hóa thì một số cán bộ cơ sở

còn mắc khuyết điểm tả khuynh, thực hiện chưa sát, đúng với chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về tự do tín ngưỡng, đánh đồng hủ tục với tín ngưỡng, văn hóa dân gian để rồi nôn nóng, muốn xóa bỏ, triệt tiêu những biểu hiện của nền văn hóa ấy. Nhiều thôn xã đã "dồn Phật", "chung chùa", tháo dỡ một số ngôi đình, một số công trình văn hóa vật thể. Phát hiện sai lầm đó, Đảng bộ đã kịp thời uốn nắn, khắc phục triệt để, không để tái diễn.

Với sự nghiệp y tế, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện tập trung lãnh đạo xây dựng thêm cơ sở khám chữa bệnh, khuyến khích và tạo điều kiện để nhân dân phát triển 3 công trình vệ sinh; phòng trừ dịch bệnh. Đến năm 1960, toàn huyện đã xây dựng và đưa vào sử dụng 17 trạm xá dân lập, toàn huyện làm thêm 37 giếng khơi, 500 hố xí hai ngăn và nhiều nhà tắm. Ngành Y tế của huyện tổ chức nhiều đợt tiêm phòng các bệnh dễ lây lan như lao, đậu mùa, đau mắt hột... chặn đứng và dập tắt được nhiều ổ dịch. Huyện trích ngân sách cho các thôn xã để xây dựng giếng nước, công trình phụ nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Các hoạt động thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Hầu hết các xã tổ chức được đội bóng chuyên nam, toàn huyện có hai đội nữ. Đội nam Nam Bồng (Bồng Lạng - Thanh Nghị), đội nữ Bảo Thôn (Liên Chính) là những đội có trình độ chuyên môn cao. Phong trào luyện tập thể dục buổi sáng, bơi lội, chạy, nhảy cao, nhảy xa đã thu hút hàng vạn người tham gia, không chỉ đông đảo thanh thiếu niên mà cả những người trung tuổi. Phong trào không chỉ nâng cao sức khỏe của nhân dân mà còn là một biểu hiện của đời sống văn hóa mới, tập hợp, thu hút quần chúng,

giúp mọi người hăng hái, công tác hiệu quả hơn, hạn chế được nhiều hiện tượng tiêu cực, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Chỉ thị 119 của Trung ương Đảng về công tác phát triển và củng cố lực lượng quốc phòng, việc xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh vẫn là nhiệm vụ thường trực của cấp ủy các cấp. Trong năm đầu tiên thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự (1959), tính riêng đợt cuối năm tỉnh giao kế hoạch 200 tân binh nhưng huyện đã thực hiện vượt mức đạt 220 người, mở đầu truyền thống "... *quân không thiếu một người*". Đến năm 1959, toàn huyện đã có 9.821 dân quân. Một số xã trước đây có phong trào yếu như Liêm Minh, Thanh Lâm, đến năm 1960 đã hoạt động mạnh trở lại. Mạng lưới an ninh nhân dân được triển khai rộng khắp đến từng thôn xóm, nhân dân luôn là "tai mắt" của chính quyền và lực lượng an ninh. Một số vụ việc trộm cắp nhỏ đều bị phát hiện và bắt đúng người, đúng tội, nông thôn luôn được bình yên.

Gắn liền với rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu thông qua lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, trong công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng. Huyện đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy, thông qua đó vừa nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, vừa rèn luyện tính tiên phong gương mẫu trong các phong trào. Trong tất cả các đợt học tập, tỷ lệ đảng viên tham gia đạt 91,2% đến 100%. Toàn bộ đảng viên đã gia nhập hợp tác xã, phần lớn trong số đó được xã viên tín nhiệm bầu vào Ban quản lý hợp tác xã. Để làm trong sạch nội bộ Đảng, việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện công bằng, nghiêm túc. Các

chi bộ thường xuyên giúp đỡ, giáo dục đảng viên mất khuyết điểm, kiên quyết xử lý những cán bộ đảng viên mất phẩm chất¹, đồng thời động viên các tổ chức Đảng, đảng viên có thành tích xuất sắc (tuyên dương 2 chi bộ, 5 tổ Đảng và 83 đảng viên). Công tác phát triển Đảng thường xuyên được chú trọng. Riêng năm 1960, Đảng bộ kết nạp được 249 đảng viên mới...

Trong công tác xây dựng chính quyền, ngày 31-5-1958, Thanh Liêm đã tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân huyện thành công với tỉ lệ cử tri tham gia bầu cử cao, đạt tỷ lệ 98%. Ủy ban hành chính từ xã đến huyện được bầu lại, chính quyền các cấp được củng cố vững chắc. Các tổ chức đoàn thể đã tích cực đóng góp trí tuệ, sức lực góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Mặt trận Tổ quốc thực hiện hiệu quả việc vận động giáo dân gia nhập hợp tác xã, vận động cử tri đi bỏ phiếu. Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ gắn chức năng, nhiệm vụ của mình với việc thực hiện tốt cuộc vận động phát triển hợp tác xã, tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa mới, phát triển phong trào Bình dân học vụ... Sự phối hợp nhịp nhàng, vận hành hiệu quả, ăn khớp của Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan, ban, ngành là một nhân tố quyết định thành công trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng ở địa phương.

Chặng đường 1954-1960 tuy không dài song có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công tác lãnh đạo của Đảng bộ Thanh Liêm và con đường phát triển đi lên của huyện. Bởi đây là những năm đầu Thanh Liêm cùng miền Bắc bước vào công cuộc xây

¹ Qua kiểm tra có 19 chi ủy viên thiếu tinh thần trách nhiệm, đưa ra khỏi ban chi ủy; 38 đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng.

dựng chủ nghĩa xã hội giữa những bộn bề khó khăn. Đó là sự tàn phá của chiến tranh còn để lại vô vàn hậu quả, đó là nạn đói đang diễn ra, là tình hình rối ren về an ninh trật tự, có cả sự hoang mang, mất niềm tin của một bộ phận nhân dân... Thêm vào đó, việc lãnh đạo đấu tranh cách mạng và lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội trong một điều kiện mới khi không còn chiến tranh có độ chênh nhất định mà Đảng bộ không thể lập tức lấp đầy. Vượt lên tất cả những khó khăn đó, bằng những phong trào cách mạng rộng lớn, bằng niềm tin và sự ủng hộ của nhân dân, Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện thành công những nhiệm vụ cực kỳ quan trọng. Hoàn thành khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh; chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư, đấu tranh với bọn phản động đội lốt tôn giáo; hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng ruộng đất lớn nhất trong lịch sử, đưa nhân dân toàn huyện tiến lên trên con đường hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Song song với những nhiệm vụ đó, Đảng bộ không ngừng chăm lo xây dựng Đảng và chính quyền, đoàn thể ngày càng vững mạnh. Có thể khẳng định những thành tích đó có ý nghĩa to lớn bởi nó không chỉ chứng minh vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, làm chuyển biến khá rõ nét đời sống kinh tế và xã hội ở nông thôn Thanh Liêm, mà quan trọng hơn, đã tạo dựng được niềm tin, động lực đối với toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Thanh Liêm. Niềm tin, động lực đó sẽ giúp Thanh Liêm bước những bước dài hơn, vững hơn trên con đường phía trước - thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 5 lần thứ nhất (1961-1965).

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức. Đại hội xác định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Đại hội khẳng định sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, từ đó nêu lên mục tiêu "xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà". Để thực hiện được mục tiêu đó, Đại hội đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ IV (vòng 2), họp từ ngày 20-2 đến ngày 1-3-1961 nêu cao quyết tâm: phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước với biện pháp trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ, vững chắc; nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân...

Từ ngày 27 đến 30-10-1961, Đại hội Đảng bộ Thanh Liêm lần thứ VIII được tổ chức tại Thanh Châu¹. Đại hội xác định nhiệm vụ trung tâm trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm là lãnh đạo củng cố và mở rộng các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông

¹ Trại thương binh miền Nam, nay là Xường 422.

nghiệp; từng bước đưa hợp tác xã nông nghiệp lên bậc cao; tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, trên cơ sở đó ổn định và nâng cao đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng, an ninh.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa VIII, đồng chí Nguyễn Khắc Doanh tiếp tục được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Đỗ Khắc Vẽ và đồng chí Hoàng Diễm được bầu làm Phó Bí thư.

Ngay sau Đại hội, toàn Đảng bộ tập trung thực hiện mở rộng hợp tác xã, củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn cuộc vận động xây dựng hợp tác xã, Huyện ủy xác định cần chú trọng vào những mặt công tác quan trọng: đẩy mạnh vận động hộ nông dân cá thể vào hợp tác xã; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của các ban quản lý hợp tác xã thông qua tăng cường đội ngũ cán bộ; mở rộng quy mô hợp tác toàn thôn và thí điểm quy mô toàn xã gắn với việc chuyển hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao... Thực hiện theo chủ trương đó, năm 1961, phong trào phát triển khá toàn diện: 87,08% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã nông nghiệp, toàn huyện có 35 hợp tác xã bậc cao, chiếm 24,38% số hộ xã viên; đã có một hợp tác xã quy mô toàn xã (Thanh Nguyên); 124 hợp tác xã toàn thôn, đạt 80,8% số thôn.

Bước đầu đưa hợp tác xã lên bậc cao đã tạo ra những điều kiện thuận lợi trong sử dụng sức lao động, tiền vốn, tư liệu sản xuất... Do đó, ở hầu hết trong các hợp tác xã bậc cao, thu nhập của xã viên cao hơn so với hợp tác xã bậc thấp. Nhiều hợp tác xã đã mở rộng kinh doanh hơn trước, điển hình như hợp tác xã Thanh Nguyên sau khi tiến hành hợp nhất lên quy mô toàn xã, công tác làm thủy lợi, phân bón và khẩn hoang được đẩy mạnh, có chuyển biến rõ rệt so với trước (thủy lợi năm 1961 đạt 37m³/người).

Gắn liền với phong trào hợp tác hóa, Huyện ủy tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp bằng việc phát động các chiến dịch lớn tạo khí thế lao động khẩn trương, sôi nổi. Đồng thời, bằng chính phong trào và kết quả lao động để tiếp tục thúc đẩy công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp. Ngay từ đầu năm 1961, với mục tiêu bảo đảm sản xuất kịp thời vụ, đúng kỹ thuật, hoàn thành gieo cấy trước tết âm lịch, Huyện ủy đã phát động ngày hội xuống đồng trong toàn huyện. Với khẩu hiệu "*Một ngày làm bằng một năm*", phấn đấu vượt tổng sản lượng 15%, các hợp tác xã coi trọng tất cả các khâu sản xuất nông nghiệp, mỗi khâu là một mặt trận và đưa ra nội dung thi đua phù hợp như phong trào làm thủy lợi, phong trào cải tiến công cụ, phong trào thi đua làm phân bón...

Theo lời dạy của Bác "*Thủy lợi là mạch máu của sản xuất nông nghiệp*", ngay từ những ngày đầu chiến dịch, Huyện ủy xác định hướng tiến công chính để tạo nên đột phá trong sản xuất nông nghiệp là thủy lợi. Biện pháp thực hiện là phải phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân, biến phong trào thủy lợi trở thành cao trào rộng khắp. Các cấp ủy đảng cơ sở đã phát động phong trào với các biện pháp cụ thể: tổ chức đăng ký ngày công, khoán việc trong các hợp tác xã, phân công đảng viên bám sát từng nội dung, chỉ đạo chặt chẽ từng vùng, từng khoảnh ruộng. Nét nổi bật trong phong trào là công tác tiêu thủy nông được chú trọng. Bằng việc khoanh vùng, khơi mương, vét máng, đào đắp hệ thống dẫn nước nội đồng đã tăng thêm khả năng chống hạn, tiêu úng, đồng thời thau chua, rửa mặn cho vùng ruộng trũng, khắc phục bình độ xen kẽ thấp cao dễ úng hạn cục bộ, đảm bảo tươi, tiêu kịp thời cho lúa và hoa màu. Nhiều hợp tác xã có phong trào khá như Thá

(Liên Chính); Gù, Cháy (Liên Thuận); Đanh Xá (Thanh Hương), Cẩm Du (Thanh Lưu)... Toàn huyện đã có 108 đội chuyên làm thủy lợi, các hợp tác xã ở Thanh Nguyên, Liên Trục, Liên Cần đều có đội thủy lợi. Các đội chuyên được trực tiếp giao khối lượng, định mức lao động nên năng suất cao hơn, điển hình như Chè Làng (Thanh Tâm), Vực (Liên Cần), Tín Đôn (Liên Túc)... Năm 1961, toàn huyện đã huy động 804.289 công, đào đắp được 1.314.051m³, bình quân đạt 16,430m³/người.

Cùng với thủy lợi, Huyện ủy phát động phong trào thi đua với hợp tác xã Đại Phong¹. Khi phong trào hợp tác hóa đã căn bản hoàn thành, khí thế cách mạng đang sục sôi trong quần chúng nhân dân, lại được tiếp sức bởi cuộc thi đua với Đại Phong càng làm cho phong trào lan rộng và nhanh chóng đi vào chiều sâu. Ngọn gió Đại Phong đã thổi lên ngọn lửa nhiệt thành, tinh thần phấn đấu, không ngại khó khăn của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm. Ngọn gió ấy đã thổi vào từng cánh đồng, bãi ngô, nương sắn, vào trái tim, khối óc của mỗi người dân Thanh Liêm. Tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn của hợp tác xã Đại Phong: "Từ không đến có, từ ít đến nhiều, nghèo đói đến ấm no", đã truyền thêm sức mạnh cho quần chúng xã viên, thôi thúc mọi người hăng hái sản xuất, ra sức làm thủy lợi, phân bón, làm cỏ, trừ sâu.

¹ Đại Phong là hợp tác xã tiêu biểu trong phong trào hợp tác hóa của huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ban đầu cũng phát triển từ tổ đổi công lên hợp tác xã, từ hợp tác xã nhỏ lên hợp tác xã toàn xã. Điển hình của Đại Phong được cả miền Bắc học tập và làm bừng lên phong trào "Thi đua với Đại Phong".

Huyện đẩy mạnh khai hoang mở rộng hơn diện tích canh tác, ngoài cây hết, cây tối đa diện tích. Việc khai hoang, san lấp các vùng trũng trước đây tiến hành chậm do tư tưởng ngại khó, thiếu quyết tâm của một số xã viên, kể cả cán bộ thì nay được ngọn gió Đại Phong làm bùng lên khí thế. Trước cửa rừng Bồng Lạng, rừng Bạc, rừng Thanh Thủy, mỗi ngày huyện huy động hàng trăm người, tổ chức thành các đội đi phá hoang. Nhiều hợp tác xã đi đầu phong trào phá hoang như Thanh Nguyên, thôn Nhất (Liên Cần)... Phong trào "*Tự túc lương thực*", "*Tác đất, tác vàng*" phát triển rộng khắp không chỉ ở các vùng nông thôn mà còn được các cơ quan, trường học tham gia hưởng ứng, chỉ trong một thời gian ngắn đã khai phá được gần 1.000 mẫu Bắc Bộ.

Để đạt hiệu quả sản xuất cao, tận dụng tối đa nhân lực, các hợp tác xã dần tổ chức được lớp mẫu giáo, nhóm giữ trẻ, nhờ vậy phụ nữ có nhiều thời gian hơn tham gia lao động sản xuất. Các sân phơi, nhà kho được cải tạo, xây dựng phục vụ cho việc phơi khô và cất giữ lúa sau thu hoạch. Vào vụ thu hoạch, để kịp đưa lúa về kho, các hợp tác xã tổ chức những đội xung kích để điều hòa lực lượng khi cần thiết; tranh thủ thời gian, sử dụng hết khả năng lao động, kể cả người già, trẻ em những giờ tan học cũng tham gia..., huy động mọi phương tiện như xe bò, thuyền bè... để chở lúa được nhanh, gọn. Nhờ vậy, với 24.208 mẫu, vụ chiêm năm 1961 đã hoàn tất thu hoạch với năng suất bình quân là 750kg/mẫu, dẫn đầu toàn tỉnh. Tổng sản lượng lương thực vụ chiêm năm 1961 đạt 18.125 tấn, tăng 22,8% so với vụ chiêm năm 1960, vượt 3.023 tấn so với vụ chiêm năm 1959 (năm đạt sản lượng cao nhất trong kế hoạch 3 năm 1958-1960). Nhiều hợp tác xã đạt năng suất cao như Sơn Thông đạt 900kg/1mẫu, An Lạc đạt

890kg/1mẫu, Thanh Lưu đạt 789kg/1mẫu, những xã có ruộng xấu như Liêm Chung cũng đạt bình quân 690kg/1mẫu. Trong Hội nghị sơ kết thi đua "*Mùa Đại Phong*", huyện đã vinh dự được nhận danh hiệu "*Cô nàng lúa chiêm*" và được trao tặng danh hiệu "*Lá cờ đầu*". Có 7 xã (Thanh Nguyên, Liêm Cần, Liêm Túc, Thanh Lưu, Thanh Hương, Liêm Minh, Thanh Lâm) và 15 hợp tác xã được cấp bằng và giấy khen.

Sau thắng lợi vụ chiêm, để đẩy mạnh sản xuất vụ thu, vụ mùa, phong trào thi đua với Đại Phong tiếp tục đẩy lên với 13.923 người tham gia. Với khẩu hiệu "*Gặt đi trước, cày cuốc đi sau, cấy mau kịp thời vụ*", để khắc phục tình trạng thiếu sức kéo, các hợp tác xã mua thêm 143 trâu, bò bổ sung sức kéo; hợp tác xã mua bán cung cấp 160 tấn phân bón, 922 cây bừa, cuốc xẻng và các dụng cụ khác. Kỹ thuật gieo cấy đã được cải tiến, đồng thời đẩy mạnh làm phân bón, có đợt làm được hàng nghìn tấn. Trong các đợt thi đua, các lực lượng, các ngành, giới đã đóng góp tích cực và phát huy tốt chức năng của mình. Phong trào "*Tiếng trống xuất quân, làm phân chống Mỹ - Diệm*" của thanh niên đạt kết quả tốt, trong số 17 xã có 1.905 thanh niên tham gia, làm được hơn 235 tấn phân các loại. Phụ nữ đã đóng góp nhiều thành tích cải tiến kỹ thuật và chăm bón cây trồng. Các ngành thông tin, văn hóa, kế hoạch... phục vụ kịp thời việc chỉ đạo sản xuất. Ngành ngân hàng đã cho nông dân vay 205.658 đồng để đầu tư sản xuất... Nhờ vậy, năm 1961 cả vụ chiêm và vụ mùa đều giành thắng lợi lớn cả về diện tích và năng suất. Tính đến ngày 18-8-1961, toàn huyện đã cấy được trên 17.117 mẫu (vượt 125% kế hoạch tỉnh giao), đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể, huyện hoàn thành vượt mức nghĩa vụ lương thực 102% (3.457.431kg).

Trên đà phát triển của trồng trọt, ngành chăn nuôi cũng dần được khôi phục, nhất là chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà... nhiều thôn xóm như thôn Văn Lâm đạt 100% số hộ chăn nuôi lợn. Một số nơi như Võ Giang (Thanh Thủy), Thanh Hải, Thanh Nghị bắt đầu phát triển nuôi dê. Toàn huyện đã có 3.500 mẫu cá ruộng, các xã như Liêm Trục, Thanh Hương, Liêm Thuận, Liêm Phong... đã đắp hàng chục cây số đường khoanh vùng thả cá.

Nhìn chung, năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước (1961-1965), các mặt hoạt động đã được khởi động toàn diện và đạt những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, do các hợp tác xã chưa lập được kế hoạch sản xuất; quản lý tài chính chưa minh bạch; đội ngũ cán bộ quản lý yếu; đối tượng xấu lợi dụng xuyên tạc... nên ngoài những hợp tác xã phát triển với tốc độ nhanh như Thanh Nguyên, đã đưa số hộ tham gia hợp tác xã từ lên 90-95% thì trong hai năm 1962-1963, nhiều hợp tác xã có biểu hiện đi xuống, thậm chí có nguy cơ tan vỡ, có thời điểm 600 hộ xin ra hợp tác xã. Tại hợp tác xã toàn xã Thanh Nguyên cũng có tới 69 hộ xã viên xin ra.

Những yếu kém trong hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp ở Thanh Liêm thời gian này nằm trong tình hình chung ở miền Bắc khi phong trào hợp tác hóa mới bắt đầu, kết quả đạt được chưa vững chắc. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã tập trung nắm tình hình ở các cơ sở, tổ chức họp bàn phương án, củng cố, khắc phục thiếu sót. Biện pháp hàng đầu là phải tiếp tục củng cố hợp tác xã, ra sức ổn định tổ chức, tăng cường công tác quản lý, xây dựng cơ sở vật chất; tiếp tục đưa một số hợp tác xã lên bậc cao; phát triển xã viên, chú trọng những cơ sở có tỷ lệ hộ nông dân tham gia hợp tác xã thấp...

Năm 1962, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị 70 "Về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc". Cuộc vận động được chia làm 5 đợt, bắt đầu từ cuối năm 1962 và dự kiến hoàn thành vào đầu năm 1964. Cuộc vận động đã đáp ứng yêu cầu cấp bách trong sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc nói chung và Thanh Liêm nói riêng.

Nhận thức được cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã là chủ trương lớn của Đảng, sẽ có tác dụng sâu sắc đến sự chuyển biến về kinh tế, đồng thời còn có những tác động lớn đến chính trị, xã hội, Đảng bộ xác định phải thực hiện nghiêm túc nhưng không nóng vội và điều quan trọng hàng đầu là phải làm chuyển biến về nhận thức, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Sau thời gian quán triệt rộng rãi về mục tiêu, biện pháp và những nội dung của cuộc vận động, hầu hết cán bộ, đảng viên và nhân dân trọng huyện đã nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải cải tiến quản lý để phù hợp hơn với yêu cầu phát triển sản xuất. Trong đợt 1, Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư làm trưởng ban. Một số huyện ủy viên được phân công kiểm tra, giúp đỡ cơ sở. Ở các xã đều có các Ban chỉ đạo do Bí thư hoặc 1 đồng chí trong Thường vụ trực tiếp phụ trách. Cuộc vận động được tiến hành ở 39 hợp tác xã, gồm có cả hợp tác xã bậc cao, hợp tác xã bậc thấp, hợp tác xã công giáo toàn tòng.

Trong quá trình củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, yếu tố con người được xác định có vị trí quan trọng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Huyện đã mở nhiều lớp đào tạo cho các cán bộ Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng, đội phó đội sản xuất, cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã; cử một số chủ nhiệm và

phó chủ nhiệm hợp tác xã tham gia các lớp đào tạo của tỉnh. Qua các đợt học tập và từ kinh nghiệm thực tế hoạt động, thành phần Ban quản trị ngày càng được nâng cao về chất lượng, số cán bộ chuyên môn được tăng cường, hoạt động ngày càng ổn định.

Ngay đợt 1 của cuộc vận động, các hợp tác xã đã được củng cố và kiện toàn tổ chức, bổ sung thêm cơ sở vật chất. Toàn huyện đã xây dựng thêm 48 gian nhà kho, 8 mẫu sân phơi, xây dựng được 29 nhà văn hóa, 37 nhà giữ trẻ... Tình trạng xã viên bỏ ra khỏi hợp tác xã đã giảm. Song những kết quả đó mới là bước đầu, chưa làm thay đổi căn bản tình hình. Các hợp tác xã vẫn chưa lập được kế hoạch sản xuất cụ thể và khoa học, nhiều công việc còn tồn đọng; sản xuất chưa đạt hiệu quả cao. Nguyên nhân chủ yếu là do một số cán bộ còn tư tưởng ngại khó, ỷ lại; nhiều cán bộ lãnh đạo chưa thực sự am hiểu đặc thù công tác ở nông thôn, thiếu kinh nghiệm thực tế, công việc lại mới mẻ, phức tạp...

Những mặt thành công và hạn chế qua vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đợt 1 được Huyện ủy mở hội nghị rút kinh nghiệm, từ đó đưa ra những biện pháp chỉ đạo để đợt 2 đạt kết quả tốt hơn. Đợt 2 được huyện tập trung vào 4 nội dung: Xác định phương hướng sản xuất và lập kế hoạch sản xuất của hợp tác xã; cải tiến kỹ thuật và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất hợp tác xã; cải tiến quản lý lao động, ổn định đội sản xuất; tăng cường sự lãnh đạo của chi bộ, đảng bộ cơ sở đối với hợp tác xã và đối với sản xuất nông nghiệp.

Cuộc vận động đợt 2 được tiến hành ở 18 hợp tác xã, chia làm 3 bước: Bước 1 từ ngày 25-9 đến 5-10-1962; bước 2 từ ngày 6-10 đến 6-11-1962; bước 3 từ ngày 7-11 đến 17-11-1962.

Theo sát 4 nội dung và 3 bước tiến hành, trong quá trình chỉ đạo Ban Thường vụ Huyện ủy đã triệu tập một số cuộc họp với lãnh đạo các đơn vị liên quan và lãnh đạo xã để bàn về từng nội dung, tìm biện pháp giải quyết những vướng mắc nảy sinh, xác định đúng hướng đi lên của hợp tác xã. Vấn đề nổi lên được toàn Đảng bộ quan tâm là: dù cuộc vận động cải tiến quản lý diễn ra trên nhiều mặt hoạt động của hợp tác xã, mục đích cơ bản là tạo ra được sự chuyển biến về thành quả lao động, hiệu quả kinh tế, và để đạt mục tiêu đó thì việc lập kế hoạch sản xuất, tăng cường quản lý lao động có ý nghĩa quan trọng. Trên thực tế, hầu hết các hợp tác xã chưa thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch sản xuất, chưa đảm bảo tính công bằng trong quản lý và định mức lao động. Bước vào đợt 2, *việc lập kế hoạch sản xuất là yêu cầu đặt ra hàng đầu* của Ban chỉ đạo đối với từng xã và hợp tác xã, kể cả các hợp tác xã chưa cải tiến quản lý. Các hợp tác xã căn cứ theo ngày công thực tế của xã viên mà định mức lao động, xếp bậc công việc và định mức tiêu chuẩn tính công; đảm bảo mỗi lao động làm được từ 180 đến 200 công trong năm, giá trị ngày công khoảng 1,6 đồng, tạo cơ sở vững chắc cải thiện đời sống xã viên, tăng thêm tích lũy của tập thể. Các hợp tác xã đã tiến hành cải tiến phải hoàn thành việc lập kế hoạch trước một bước, rút kinh nghiệm và giúp đỡ các hợp tác xã chưa cải tiến quản lý. Quá trình cải tiến được gắn chặt với đẩy mạnh sản xuất (chú ý cả 3 nhiệm vụ sản xuất chính: trồng cây lương thực, chăn nuôi và trồng cây công nghiệp)¹.

¹ Trong sản xuất lương thực chú ý sản lượng màu và đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa; trong chăn nuôi chú trọng chăn nuôi trâu, bò sinh sản để khắc phục khó khăn về sức kéo, tăng nhanh đàn lợn, khuyến khích phát triển chăn nuôi các loại gia cầm khác...

Cùng với việc lập kế hoạch sản xuất, công tác cải tiến quản lý đã diễn ra đồng bộ với cải tiến tổ chức và củng cố phát triển Đảng, chấn chỉnh đội ngũ cán bộ chủ chốt của hợp tác xã, tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng đối với các hợp tác xã. Bên cạnh đó, việc kiện toàn các tổ chức quần chúng phù hợp với quy mô tổ chức của hợp tác xã cũng được quan tâm chỉ đạo, từ đó tăng cường sự đoàn kết trong hợp tác xã. Bằng việc đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, thông qua vai trò của các tổ chức đoàn thể đã góp phần ổn định tư tưởng cho số hộ có ý định xin ra hợp tác xã; tăng cường phê bình, tự phê bình và đấu tranh tư tưởng nhằm giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích chung của hợp tác xã với lợi ích riêng của xã viên. Các chính sách như: 5% ruộng đất để lại cho xã viên, công hữu ao nuôi cá, phân phối theo lao động, làm nghĩa vụ và bán nông sản cho Nhà nước được thực hiện đầy đủ hơn thông qua bàn bạc dân chủ, đấu tranh nội bộ thẳng thắn, nghiêm túc.

Thông qua cuộc vận động, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở được tăng cường, nhất là các chi bộ, tổ đảng ở hợp tác xã. Cán bộ, đảng viên đã nhận rõ ưu, khuyết điểm trong việc lãnh đạo sản xuất và việc củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn. Đội ngũ cán bộ cốt cán được bố trí lại phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng ngày càng gắn bó, khí thế cách mạng của quần chúng được phát huy.

Nhờ những biện pháp chỉ đạo sâu sát, mạnh mẽ, đợt 2 cuộc vận động cải tiến quản lý đã có bước tiến khá căn bản và vững chắc. Các hợp tác xã xác định rõ phương hướng sản xuất, bước đầu nắm vững "hai chân" (trồng trọt và chăn nuôi), "ba bước" (cây lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi). Trong từng đầu

mỗi công việc được sắp xếp cụ thể cả về lực lượng lao động, định mức lao động và kết quả lao động. Các đội sản xuất bước đầu làm quen với việc bố trí lao động theo kế hoạch, từ đó sắp xếp nhân lực hợp lý hơn trong các khâu trồng trọt, chăn nuôi. Nhiều hợp tác xã đã tổ chức lao động theo nhóm nhỏ, áp dụng khoán việc nên đã hạn chế tình trạng lãng phí lao động, rút ngắn thời gian thu hoạch từ 10-25 ngày; việc xây dựng và duyệt phương án thu chia hoa lợi, điều hòa lương thực được bàn bạc dân chủ và tiến hành nhanh, gọn hơn. Công tác cải tiến và áp dụng kỹ thuật mới được tiến hành triệt để hơn, tập trung vào các khâu chính (nước, phân, giống). Các hợp tác xã đã thành lập tổ khoa học - kỹ thuật nhằm đưa nhanh và rộng khắp những tiến bộ mới vào sản xuất như nuôi bò hoa dâu, ngâm giống (ba sôi hai lạnh), chế biến phân bón. Công tác quản lý tài vụ cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều hợp tác xã thực hiện tài chính công khai; hạn chế nạn thất thoát, lãng phí; việc phân phối điều hòa trong nội bộ hợp tác xã được thực hiện tốt hơn. Các cơ sở tiến hành cải tiến quản lý không chỉ tạo ra được thành quả lao động vượt trội mà còn tạo ra khí thế lao động sản xuất nhiệt tình, hăng hái trong xã viên. Qua đó, các hợp tác xã vừa tăng thêm thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy cho hợp tác xã vừa hoàn thành nghĩa vụ lương thực với thành tích vượt hơn hẳn những nơi chưa tiến hành cải tiến. Đến cuối năm 1962, toàn huyện có 15.647 hộ tham gia hợp tác xã, đạt 90,3%; đưa thêm 3.341 hộ vào hợp tác xã bậc cao, nâng tổng lên 7.654 hộ (chiếm 43,5%).

Cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp đã tác động tích cực tới các mặt sản xuất nông nghiệp. Với quyết tâm phải cơ bản cải tạo được hệ thống tưới tiêu trong

toàn huyện, Đảng bộ chủ trương trong những năm tiếp theo của kế hoạch 5 năm, thủy lợi tiếp tục là mặt trận quan trọng. Bước sang năm 1962, Đảng bộ phát động chiến dịch "*Nổ súng Chanh Chè, đông xuân toàn thắng*". Mặc dù thời tiết mưa rét nhưng khi "nổ tiếng súng" đầu tiên, hơn 7 nghìn người trang bị mai, thuổng, cuốc, xẻng tiến lên công trường đào mương dẫn nước tưới chống hạn vụ chiêm và tiêu úng vụ mùa. Cán bộ Huyện ủy, Ủy ban, cán bộ các ngành đều ra công trường vừa chỉ đạo vừa tham gia đào đắp. Qua 7 ngày khẩn trương lao động với trên 50 nghìn ngày công đã nâng hiệu suất cả năm đạt 968.980m³, bình quân 12,045 khối/người. Năm 1963, hưởng ứng phong trào "*Hà Biên quyết chiến, quyết thắng*", nhân dân toàn huyện đã nêu cao quyết tâm "vất đất ra nước, thay trời làm mưa", hoàn thành một số công trình thủy lợi trọng điểm, chiến thắng hạn hán. Trên các công trường không khí lao động sôi nổi với hàng chục tấm băng, hàng trăm lá cờ, hàng nghìn khẩu hiệu xuất hiện khắp nơi. Để cổ vũ thêm tinh thần nhân dân, nhiều hợp tác xã đã nêu cao khẩu hiệu sáng tạo như "*Làm thủy lợi đến đâu, làm giàu đến đấy*"; hợp tác xã Thanh Nguyên có khẩu hiệu "*Nhất cao, nhì kín, thứ ba vững vàng*" như một tiêu chí phấn đấu trong việc đào đắp các công trình. Liêm Minh có khẩu hiệu "*Nhanh như sóc, mạnh như hổ, nhỏ cờ Liêm Trực, cắm núi Ba Chanh*"; đáp lại, Liêm Trực đã nêu khẩu hiệu "*Cao như núi, dài như sông, nhân dân Liêm Trực quyết không buông cờ*"... Để hỗ trợ thêm cho nông dân, ngành Ngân hàng tạo điều kiện về vốn mua sắm công cụ mai, kéo, xẻng, cuốc; các hợp tác xã mua bán cung cấp hàng hóa, lương thực, thực phẩm cho dân công trên công trường... Năm 1963, tổng khối lượng đào đắp được là 1.260.710m³; năm 1964, bình quân đầu người đào

đắp được $26,5\text{m}^3$, vượt $2,5\text{m}^3$ so với năm 1963. Đặc biệt, trong chiến dịch lớn đào sông Nguyệt Đức (từ Chiềng đi Kinh Thanh), toàn huyện huy động 7.300 người tham gia, chỉ trong 10 ngày đã đào đắp được 72.000m^3 , cứu 7.100 mẫu lúa khỏi hạn hán. Kết quả phong trào thi đua tiến quân trên mặt trận thủy lợi đã góp phần quan trọng cải tạo diện mạo nền nông nghiệp, hình thành hệ thống kênh mương tưới tiêu khá căn bản, là cơ sở vững chắc để đưa sản xuất đi lên.

Cùng với phong trào thủy lợi, các hợp tác xã còn đẩy mạnh phong trào ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất như làm đất kỹ, chọn lọc giống, gieo mạ đúng kỹ thuật, cấy thẳng hàng, đặc biệt là phong trào làm phân bón. Các hợp tác xã thành lập tổ chế biến phân bón đảm trách phân bón cho hợp tác xã, đội sản xuất; nhiều đội sản xuất đầu tư xây dựng nhà chế biến phân bằng gạch, lợp ngói,... Phong trào làm phân xanh tiếp tục phát triển mạnh. Năm 1963, toàn huyện đã làm được 850 mẫu bèo dậu; cây điền thanh năm 1964 đạt 127 mẫu. Ngoài ra còn khai thác chế biến phân bùn làm tăng khối lượng phân bón phục vụ cho thâm canh. Nhờ đó, diện tích được bón phân hàng năm chiếm 83,6% cây trồng, đưa mức phân bón lên 4,9 tấn/ha năm 1963.

Tháng 3-1963, Đại hội Đảng bộ Thanh Liêm lần thứ IX được tiến hành tại thôn Dương Xá (xã Thanh Hà). Đây là Đại hội bản lề trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đại hội đã kiểm điểm tình hình phong trào và sự lãnh đạo của Đảng bộ trong hai năm 1961-1962, nhất trí đánh giá Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã giành được nhiều thắng lợi to lớn trên nhiều mặt. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung trong thời gian tới là tập trung vào cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông

nghiệp, cải tiến kỹ thuật nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc. Lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm, mở rộng diện tích bằng tăng vụ, đẩy mạnh khai hoang...

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX do đồng chí Hoàng Diễm làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Lê Minh Trị được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Đào Hữu Quy được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, qua thực tiễn chỉ đạo cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 2, các cấp ủy đảng đã có quá trình, kinh nghiệm đi sâu sát thực tế, nắm chắc hơn tình hình hợp tác hóa của huyện. Liêm Thuận được chỉ đạo xây dựng là xã điểm, được Tỉnh và ngành nông nghiệp Trung ương cử một đoàn cán bộ, kỹ sư nông nghiệp về giúp đỡ chỉ đạo phát triển các ngành trồng trọt, chăn nuôi thủy sản. Huyện ủy tổ chức rút kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo đợt 3, đợt 4, đợt 5¹. Các xã tiến hành đại hội hợp tác xã, tổ chức các hội nghị tổng kết từng chuyên đề, học tập kinh nghiệm từng mặt của các hợp tác xã, đội lao động tiên tiến, từ đó củng cố các hợp tác xã kém, phần đầu đưa 45-50% hợp tác xã lên loại khá; 20% hợp tác xã, đội lao động đạt tiên tiến. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp đã tiến hành 5 đợt ở 148 hợp tác xã và căn bản hoàn thành vào đầu năm 1964.

Tuy kết quả thu được ở mỗi hợp tác xã khác nhau nhưng nhìn chung cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ở Thanh

¹ Cải tiến đợt 3 tiến hành ở 34 hợp tác xã; đợt 4 tiến hành ở 24 hợp tác xã; đợt 5 tiến hành ở 33 hợp tác xã.

Liên đã giành thắng lợi cơ bản. Các hợp tác xã đều xác định được phương hướng sản xuất phù hợp, khoa học, liên tục bổ sung phương hướng, khắc phục một bước tình trạng mất cân đối giữa sản xuất và chăn nuôi, giữa lúa và hoa màu, bước đầu đã chú trọng thâm canh. Các hợp tác xã cũng giải quyết tốt hơn tình hình xã viên xin ra, tiếp tục vận động những hộ nông dân còn làm ăn riêng lẻ vào hợp tác xã trên nguyên tắc tự nguyện. Năm 1963, toàn huyện đã phát triển thêm 183 hộ vào hợp tác xã, đưa tổng số hộ vào hợp tác xã lên 15.830 hộ, chiếm tỷ lệ 90,6%, trong đó hộ công giáo đạt 89%; phát triển thêm 7 hợp tác xã bậc cao gồm 8.175 hộ, đạt 46,6%. Công tác quản lý sản xuất được đẩy mạnh, đã thực hiện đầy đủ chế độ 3 khoán ở 100% hợp tác xã, thực hiện chia nhóm nhỏ sản xuất... Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã ngày càng đi vào chiều sâu, đã có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Tổng sản lượng lương thực năm 1963 đạt 26.177 tấn. Năm 1964, diện tích cây lương thực đạt 45.192 mẫu (bằng 109% năm 1963), năng suất lúa đạt 37,5 tạ/ha (bằng 107% năm 1963). Vụ mùa năm 1965, mặc dù do trời mưa kéo dài, nước úng ngập đồng, nhưng với quyết tâm và sự nỗ lực, toàn huyện cấy được trên 12.000 mẫu, năng suất đạt 2.260 tạ/ha (cao nhất tỉnh Nam Hà)¹. Ngoài cây trồng chủ lực là lúa, từng xã cũng cố gắng phát huy thế mạnh của mình trong phát triển đa dạng cây lương thực. Thanh Thủy, Thanh Lâm Liêm Chính là điển hình trong trồng ngô. Các xã Liêm Tuyên, Thanh Hải, Thanh Thủy, Thanh Tâm, Liêm Chính, Liêm Minh, Liêm Thuận, Thanh

¹ Huyện ủy Thanh Liêm: *Nghị quyết phát động làm thủy lợi trong sản xuất đồng xuân 1966-1967.*

Nguyên..., có nhiều thành tích trong mở rộng diện tích trồng khoai. Năm 1963, sản lượng hoa màu qui thóc đạt 2.531 tấn, chiếm 9,6% tổng sản lượng lương thực. Chăn nuôi, thả cá, khai hoang, trồng cây... cũng thu được những kết quả tích cực. Riêng đàn lợn đạt 23.367 con năm 1963, trong đó đàn lợn tập thể từ 157 con. Đánh giá về hiệu quả cuộc vận động cải tiến quản lý, Nghị quyết Huyện ủy đã nhấn mạnh: "*Các hợp tác xã qua cải tiến quản lý lần 1 nói chung đều có tiến bộ, đang tạo điều kiện cho hợp tác xã dần dần phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất mới*"¹.

Bên cạnh việc với cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã vay mượn cũng được củng cố và phát triển. Tính đến tháng 7-1961 toàn huyện đã có 70% số hộ nông dân vào hợp tác xã vay mượn. Với chức năng huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân, có thời kỳ hợp tác xã vay mượn huy động được tới 152.000 đồng. Những xã đạt mức huy động cao là Liêm Tiết, bình quân 9,2 đồng/người; Thanh Lâm 7 đồng/người; Thanh Thủy 6,4 đồng/người. Đến năm 1963, tỷ lệ gửi tiết kiệm trong hợp tác xã chiếm trên 50% số hộ, 64% số đội lao động. Nhiều xã có từ 70-80% số đảng viên tham gia gửi tiền tiết kiệm như Thanh Tuyên, Thanh Hương. Hợp tác xã vay mượn Thanh Hương nhiều năm liền là lá cờ đầu của huyện.

Hợp tác xã mua bán ngày càng phát huy tốt chức năng của mình, phục vụ thiết thực cho sản xuất. Năm 1961, có khoảng 86% số hộ nông dân vào hợp tác xã mua bán (riêng chiến dịch Mùa Đại Phong phát triển được 3.075 hộ). Cơ sở hợp tác xã huyện đã

¹ Huyện ủy Thanh Liêm: *Nghị quyết 11/NQ-HU ngày 4-7-1966*.